

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 49/2022/DS-ST
Ngày 12-9-2022
V/v “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm

2. Ông Hà Minh tấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh B- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Cây Sao, xã TL, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 và bà Tô Kim L, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kênh Nhà Thờ, xã TL, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của bà Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 09/11/2013 bà Tô Kim L có mượn bà số tiền 10.000.000đồng nhưng không trả nên bà làm đơn khởi kiện, đến ngày 01/8/2019 bà L viết cam kết hứa mỗi tháng trả 400.000đồng nếu không có thì trả 200.000đồng nên bà rút đơn, sau đó cho đến tháng 02/2020 bà L trả được 1.200.000đồng thì ngưng không trả tiếp. Nay bà yêu cầu bà L và ông H có nghĩa vụ liên đới trả 8.800.000đồng, lãi suất bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Tô Kim L, Tòa án niêm yết thông báo thụ

lý vụ án số 73/2022/TB-TLVA và niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng ông H, bà L vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS; Thẩm phán thu thập chứng cứ theo quy định Điều 96, 97, 98 BLTTDS.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên nhận thấy: Vào ngày 09/11/2013 bà Tô Kim L mượn bà Nguyễn Thị S số tiền 10.000.000đồng, cho đến ngày 01/8/2019 bà L viết cam kết trả 400.000đồng nếu không có trả 200.000đồng đến khi hết nợ. Sau đó bà L trả được 1.200.000đồng, còn lại nợ 8.800.000đồng nhưng ông H, bà L hẹn nhiều lần không thực hiện nghĩa vụ. Trong quá trình giải quyết bà S cung cấp biên nhận về việc bà Tô Kim L, ông Nguyễn Văn H mượn tiền của bà 10.000.000đồng, không lãi suất, thời gian trả tháng 5 năm 2018. Quá trình giải quyết bà L, ông H vắng mặt không lý do, không đưa ra ý kiến gì về số tiền nợ, nhưng có biên nhận mượn tiền và có chữ ký bà L, ông H. Như vậy bà S yêu cầu bà L, ông H liên đới trả nợ gốc 8.800.000đồng là có cơ sở.

Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Điều 463, 466, 288 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và các đương sự chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn H và bà Tô Kim L, Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-DS ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022 hợp lệ, nhưng ông H và bà L cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản (tiền)” giữa bà Nguyễn Thị S với

bà Tô Kim L là tranh chấp dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận mượn tiền ngày 09/11/2013 của bà Tô Kim L, ông Nguyễn Văn H và 01 tờ cam kết ngày 01/8/2019 của bà Tô Kim L”. Xét thấy ngày 09/11/2013 bà L, ông H mượn bà S số tiền 10.000.000đồng cam kết đến tháng 05/2018 trả tiền nhưng bà L, ông H không trả, cho nên bà S khởi kiện, tại Tòa án bà S với bà L thỏa thuận cho bà L trả nhiều lần và viết tờ cam kết ngày 01/8/2019 có mượn bà S 10.000.000đồng là có thật và phù hợp với chứng cứ bà S cung cấp.

[2.2] Về số tiền nợ đã trả, tại phiên tòa bà S khai sau khi bà L viết tờ cam kết ngày 01/8/2019, sau đó bà L có trả được nhiều lần tính từ tháng 09/2019 đến tháng 02/2020 số tiền 1.200.000đồng thì bà L không trả tiếp. Xét thấy theo tờ cam kết ngày 01/8/2019 có ghi nội dung: “...tôi hứa sẽ trả cho bà mỗi tháng là 400 trăm ngàn nếu không có bốn trăm thì 200 ngàn theo như lời hứa...” tuy nhiên bà L chỉ trả bà S từ tháng 09/2019 đến tháng 02/2020, tổng số tiền 1.200.000đồng, nên còn nợ 8.800.000đồng bà S có nhắc nhở nhưng bà L không tiếp tục trả nợ theo như cam kết là vi phạm nghĩa vụ đối với bà S. Ngoài ra đối với bà L, Tòa án niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến của bà S yêu cầu trả số tiền còn lại, nhưng bà L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và bà không có văn bản hay ý kiến về việc yêu cầu của bà S, vì vậy bà S yêu cầu bà L trả dứt điểm số tiền nợ còn lại 8.800.000đồng là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn H không ký tên tờ cam kết ngày 01/8/2019 của bà L, nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà S có cung cấp chứng cứ là “Biên nhận mượn tiền 10.000.000đồng ngày 09/11/2013”. Xét thấy biên nhận mượn tiền ngày 09/11/2013 ngoài bà L ký tên ra trong giấy mượn tiền ghi cùng chH ông Nguyễn Văn H, như vậy cho thấy bà L mượn tiền 10.000.000đồng của bà S thì ông Nguyễn Văn H biết, cũng như trong thời gian này giữa ông H và bà L còn tồn tại hôn nhân. Ngoài ra, Tòa án niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến bà S yêu cầu ông H liên đới trả nợ, nhưng ông H không có văn bản hay ý kiến về việc bà S yêu cầu trả 8.800.000đồng, nên bà S yêu cầu ông H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về lãi suất, tại phiên tòa bà S không yêu cầu bà L, ông H trả lãi suất, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông H, bà L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà S yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nhưng bà S người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 288 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 12, 27 Nghị quyết số: 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

1. Buộc bà Tô Kim L và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị S tiền nợ là 8.800.000đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Tô Kim L và ông Nguyễn Văn H phải chịu 440.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H

